TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: *52/2019/HN - ST*
Ngày*: 27 - 5 - 2019*
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2019/TLST - DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp " Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST - HN ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm 1985 (Có mặt)

Trú tại: Ấp Thới H, xã TT, huyện TL, Thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Trú tại: ấp Phước B, xã Phú Q, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2019 và tại phiên tòa - nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ N trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành T tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ vào ngày 28/6/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh T luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã, anh T không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu với bạn bè, bỏ mặc chị một mình nuôi 03 con chung. Đã khuyên nhiều lần nhưng anh không thay đổi, nên chị và anh T đã không còn sống chung, mỗi người sống một nơi từ năm 2016 cho đến nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Nguyễn Huỳnh Thiên K, sinh ngày 20/3/2007, Nguyễn Huỳnh Tường V, sinh ngày 04/4/2012 và Nguyễn Huỳnh Thiên N, sinh ngày 10/3/2015, hiện chị N đang nuôi 03 chung. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành T không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "ly hôn, nuôi con", do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Phú Quới, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thành T đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thành T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 63/2010, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ cấp ngày 28/6/2010 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét, yêu cầu của chị N yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ, mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T trên thực tế không tồn tại vì vợ chồng đã không sống chung với nhau từ năm 2015. Vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, mạnh ai nấy sống. Khi anh T nhận thông báo

thụ lý, thông báo hòa giải của Tòa án, anh T cũng không có văn bản nêu ý kiến về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, cũng tham gia hòa giải, không có thiện chí đoàn tụ, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho chị N được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Xét, yêu cầu của chị N yêu cầu được nuôi 03 con chung là Nguyễn Huỳnh Thiên K, Nguyễn Huỳnh Tường V, Nguyễn Huỳnh Thiên N là có cơ sở chấp, bởi lẽ, các cháu hiện nay do chị N đang nuôi dưỡng; cháu K và cháu Tường V có nguyện được sống chung với chị N, anh T không có ý kiến phản đối gì về yêu cầu nuôi 03 con của chị N. Do đó, Hội đồng xét xử giao 03 cháu : Nguyễn Huỳnh Thiên K, Nguyễn Huỳnh Tường V, và Nguyễn Huỳnh Thiên N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 03 con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[6] Nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Mỹ N được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Giao 03 cháu: Nguyễn Huỳnh Thiên K, sinh ngày 20/3/2007, Nguyễn Huỳnh Tường V, sinh ngày 04/4/2012 và Nguyễn Huỳnh Thiên Nc, sinh ngày 10/3/2015 cho chị Huỳnh Thị Mỹ N tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 03 con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Mỹ N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002125 ngày 15/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ qua.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành T mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chị cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Thị Ngọc Tú